TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 26/2017/HSST Ngày 28 tháng 11 năm 2017	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị nghĩa Nguyện – Cán bộ hội phụ nữ huyện Krông Ana
2. Ông Phạm Thế Chiến – Cán bộ hưu trí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

VĂN THỊ T, tên gọi khác: L , sinh năm 1964 tại tỉnh; Nơi ĐKHKTT: Số 48 NT, Tổ dân phố 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 115 CVA, Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Văn B (đã chết); con bà Nguyễn Thị Y (đã chết); Bị cáo có chồng là Huỳnh M, sinh năm 1963(đã chết). Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1997. Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 11/7/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Số 48 NT, Tổ dân phố 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Kim V, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1981. Trú tại: Hẻm 383 NVC, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị H' B H'M, sinh năm 1988. Trú tại: Buôn H, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY

Bị cáo Văn Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Văn thị T là quản lý tại quán Karaoke của con trai là Huỳnh Văn T1 (chủ quán Karaoke H K, địa chỉ: Số 115 CVA, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Khoảng 14h00' ngày 11/7/2017, Văn Thị T đang ở quán Karaoke thì có Nguyễn V, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T là khách đến quán Karaole H K để nhậu uống bia và hát Karaoke. Tại đây, V hỏi T: "*có gái bán dâm không*", thì T chỉ H'B H'M (sinh năm 1988) là nhân viên phục vụ của quán và là gái bán dâm, nói: "*có con bé đó muốn đi thì đi"*. Sau đó, T gọi H'B H'M đến phục vụ V và nhóm bạn của V cùng hát karaoke và uống bia. Trong lúc ngồi hát Karaoke thì Nguyễn Văn L nói với H'B H'M tìm thêm cho L một gái bán dâm, để L và V mua dâm thì H'B H'M đồng ý và gọi H'B L B (sinh năm 1999) cùng là nhân viên cúa quán và là gái bán dâm đang ở đó đến ngồi và thỏa thuận giá tiền mua bán dâm với Nguyễn Văn L, giá mua dâm là 300.000đ/01 gái bán dâm. Thỏa thuận xong, Nguyễn V đưa cho Văn Thị T tổng số tiền 800.000đ (trong đó 600.000đ là tiền mua bán dâm; 40.000đ là tiền cho thêm gái bán dâm, 160.000đ là tiền uống bia và hát karaoke). Sau khi nhận tiền, T đưa cho H'B H'M số tiền 600.000đ để đi bán dâm cho khách. Khi đi, H'B L B điều khiển xe môtô 47H9-1862 (xe của anh Huỳnh Văn T1 là con trai của Văn Thị T) chở Nguyễn Văn L đến nhà nghỉ T V (do Lê Thị Kim V làm chủ và Nguyễn Đình T2 làm quản lý nhà nghỉ), ở tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K trước, rồi quay lại chở H'B H'M và Nguyễn V cùng đến nhà nghỉ T V, thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm. Đến khoảng 15h40' cùng ngày, trong lúc H'B H'M với Nguyễn V đang thực hiện hành vi mua bán dâm ở phòng 03 và H'B L B với Nguyễn Văn L đang thực hiện hành vi mua bán dâm ở phòng số 04 thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: 02 bao cao su đã qua sử dụng (trong 02 phòng), thu giữ trên người của H'B H'M số tiền 600.000đ.

Cơ quan điều tra, khám xét và bắt khẩn cấp đối với Văn Thị T. Thu giữ trên người của Văn Thị T số tiền 400.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Kechaoda K27.

Quá trình điều tra Văn Thị T còn khai nhận, khoảng 03-04 ngày trước khi bị bắt, T đã môi giới cho H'B H'M bán dâm cho Nguyễn V 01 lần, gia mua bán dâm là 300.000đ. T thu lợi 50.000đ. Ngoài ra T còn thỏa thuận với H'B H'Mvà H' B L B làm nhân viên phục vụ quán cho T, T không phải trả lương mà thu nhập chủ yếu của H'B H'Mvà H' B L B là từ tiền cho riêng của khách (tiền bo). Nếu khách có nhu cầu mua dâm thì T là người môi giới để H'B H'M đi bán dâm, với giá mỗi lần bán dâm từ 300.000đ đến 400.000đ, T được lợi từ 50.000đ đến 100.000đ. H'B H'M đã được T môi giới để bán dâm cho khách nhiều lần, nhưng T không nhớ cụ thể ngày, giờ, số lần và tổng số tiền thu lời bất chính từ việc môi giới mại dâm cho H'B H'M.

Tại bản cáo Trạng số 26/KSĐT-HS ngày 07/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Văn Thị T về tội "*Môi giới mại dâm"* theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết 41 của

Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, tuy nhiên bị cáo cho rằng bị cáo chỉ môi giới cho 01 người là H' Bl H'M đi bán dâm, bị cáo không môi giới cho H'B L B đi bán dâm. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T1 trình bày: Quán Karaoke H K do anh đứng tên làm chủ, quá trình hoạt động anh làm được một thời gian thì giao lại cho Văn Thị T là mẹ anh điều hành việc kinh doanh của quán, việc T môi giới mại dâm thì anh không biết, không liên quan gì, chiếc xe máy biển số 47H9 – 1862 là của anh, anh đưa cho chị gái của anh đi nên anh T1 không biết việc H'B L B chở khách thì thực hiện hành vi bán dâm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết nhân thân của bị cáo, giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Văn Thị T phạm tội "*Môi giới mại dâm"*. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm d, e khoản 2 Điều 255, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết 41 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Văn Thị T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 11/7/2017.

Các biện pháp tư pháp: Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 640.000đ tiền mua bán dâm.
- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng.
- Tuyên trả cho Văn Thị T 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Kechada K27 và số tiền 360.000đ, không liên quan đến hành vi phạm tội của T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời nại khai của bị cáo cho rằng bị cáo chỉ môi giới mại dâm cho một người là không có cơ sở, bởi lẽ: Giữa bị cáo và những người làm chứng không có mâu thuẫn gì, trong giai đoạn điều tra bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể tại bút lục số 63, 64, 67,68 thể hiện: Khi có khách mua dâm thì bị cáo giới thiệu cho N1 và N2 (H'B H'M và H'B L B) đi bán dâm. Bị cáo đã môi giới cho N1 đi bán dâm tổng cộng 02 lần (kể cả lần ngày 11/7/2017 và lần trước đó 3-4 ngày). N2 thì chỉ mới một lần ngày 11/7/2017. Bị cáo đã hưởng lợi là 50.000.000đ do N1đưa cho bị cáo từ việc bán dâm trước đó 3-4 ngày, còn ngày 11/7/2017, N1 và N2 chưa đưa cho bị cáo thì đã bị công an bắt. Mặt khác, khi khách trả tiền cho bị cáo thì bị cáo hoàn toàn biết trong số tiền 800.000đ thì tiền mua dâm là 600.000đ, bị cáo nhận tiền và đưa lại cho gái mại dâm. Lời khai của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người

làm chứng, phù hợp với vật chứng vụ án và các chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm chứng tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7/2017 Văn Thị T đã nhiều lần môi giới cho H'B H'M đi bán dâm và ngày 11/7/2017 Văn Thị T tiếp tục môi giới cho H'B H'Mvà H' B L B bán dâm cho Nguyễn V và Nguyễn Văn L sau đó bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Môi giới mại dâm"* theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết 41 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội "*Môi giới mại dâm*" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 255 BLHS năm 1999 quy định:

1. Người nào dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

d) Phạm tội nhiều lần ;

e) Đối với nhiều người;...

Tại Điều 328 BLHS năm 2015 quy định:

"1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

d) Phạm tội 02 lần trở lên;

đ) Đối với 02 người trở lên;...

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự trị an xã hội; ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, đời sống văn hóa của dân tộc. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng vì động cơ tham lam tư lợi nên bị cáo đã có hành vi làm trung gian cho khách mua dâm và người bán dâm. Bị cáo môi giới mại dâm nhiều lần và cho nhiều người nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung theo điểm d, e khoản 2 Điều 255 BLHS năm 1999 và điểm d, đ khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015. Vì vậy cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình đã gây ra.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì khung hình phạt là từ 03 năm đến 10 năm. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015 được sữa đổi bổ sung năm 2017 thì khung hình phạt từ 03

năm đến 07 năm, so với khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì khung hình phạt là thấp hơn. Do vậy, cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 để xét xử bị cáo theo khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật sự năm 2015 được sữa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

Xét thấy với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

***- Các biện pháp tư pháp*:** Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 640.000đ tiền mua bán dâm.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng

- Tuyên trả cho Văn Thị T 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Kechada K27 và số tiền 360.000đ, không liên quan đến hành vi phạm tội của T.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K với cơ quan Thi hành án dân sự huyện K ngày 07/11/2017).

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy đinh án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Văn Thị T phạm tội "*môi giới mại dâm*".

Áp dụng: Điểm d,e khoản 2 Điều 255; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 và điểm d, đ khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015 được sữa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **VĂN THỊ T** (tên gọi khác: L) 04 (bốn) năm tù về tội "*Môi giới mại dâm*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 11/7/2017.

Áp dụng Điều 30; khoản 5 Điều 255 BLHS: Phạt bổ sung bị cáo Văn Thị T số tiền 3.000.000^{đ} (*Ba triệu đồng*). Bị cáo có nghĩa vụ nộp một lần, sung công quỹ nhà nước.

- Các biện pháp tư pháp: Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 640.000đ tiền mua bán dâm.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng.

- Tuyên trả cho Văn Thị T 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Kechada K27 và số tiền 360.000đ, không liên quan đến hành vi phạm tội của T.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K với cơ quan Thi hành án dân sự huyện K ngày 07/11/2017).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy đinh án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Văn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Công an huyện K;
- Cơ quan THAHS Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Đôn